

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DSST

Ngày: 18/01/2022

V/v: “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại, hủy
GCN đăng ký doanh nghiệp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông
2. Bà Đặng Thị Huệ Tú

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
79/2020/DSST ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp thực hiện
nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4686/2021/QĐXXST-DS ngày
08 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12517/2021/QĐST-DS
ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trang Cẩm L, sinh năm 1944 (Chết ngày 10/8/2021)

Địa chỉ: 1 H, Phường B, Quận A, TP ..

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

1/ Bà Trương Phùng N, sinh năm 1957

2/ Bà Trang Thúy Q, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: 1 H, Phường B, Quận A, TP ..

3/ Bà Trang Thúy Q1, sinh năm 1985

Địa chỉ: 1 H, Phường B, Quận A, TP ..

4/ Ông Trang Nhạc G, sinh năm 1991

Địa chỉ: 1 H, Phường B, Quận A, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q2, sinh năm 1996 (Văn bản ủy quyền số công chứng 007204, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/12/2021 của Văn phòng C2) . (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Phi L1 – Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: F N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1964 (chết năm: 2014)

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số F đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1/ Bà Trương Mỹ

Địa chỉ: 161/32 T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Trương Thị A, sinh năm 1963

3/ Bà Lưu Tuyết L2, sinh năm 1984

4/ Bà Lưu Khánh L3, sinh năm 1987

5/ Ông Lưu Gia H, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: C Lầu B, chung cư H, đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà A, bà Tuyết L4, ông H: Bà Lưu Khánh L3 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 00039306 lập ngày 30/12/2014 của Văn phòng C3) (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Khánh L3 và bà Trương Thị A: Ông Trần Văn Q3, sinh năm 1989 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 00003427 lập ngày 20/10/2020 và số công chứng 00003426 lập ngày 20/10/2020 của Văn phòng C4). (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: 29 Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH S

Địa chỉ: E Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Khánh L3 (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi ngày 11/11/2016) (vắng mặt)

2/ Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố H

Địa chỉ: C L, phường B, Quận A, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Hưng V (Theo Giấy ủy quyền số 2587/GUQ-ĐKKD ngày 15/4/2020) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong các Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Nguyên đơn ông Trang Cẩm L có người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc Q2 trình bày:

Ngày 16/12/2013, ông Trang Cẩm L có cho ông Huỳnh Tấn C vay số tiền là 2.300.000.000 (hai tỷ ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay 06 tháng. Trong thời gian vay tiền, ông C không trả lãi cho ông L. Hết thời hạn vay tiền, ông C không trả tiền gốc và lãi cho ông L.

Ông L đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông C vẫn không trả tiền. Đến ngày 05/7/2014, ông L biết được ông C đã chết và có để lại di sản là căn nhà số F T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Tấn C bao gồm bà Trương M1 (mẹ ông C), bà Trương Thị A (vợ ông C); bà Lưu Tuyết L2, bà Lưu Khánh L3, ông Lưu Gia H (các con ông C).

Sau khi ông C chết thì gia đình ông C đã giả chữ ký của ông để làm giả hồ sơ chuyển nhượng phần vốn góp của ông C cho ông Lưu Gia H và thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty TNHH S (thay đổi lần thứ 7).

Nguyên đơn yêu cầu:

+ Bị đơn (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 16/12/2013 đến trước ngày 27/4/2021, tổng cộng 3.901.493.150 đồng như sau: Từ ngày 16/12/2013 đến trước ngày 01/01/2017 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 9%/năm: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/365 \times 1.095 \text{ ngày} = 621.000.000 \text{ đồng}$; Từ ngày 01/01/2017 đến trước ngày 27/4/2021 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 1.556 \text{ ngày} = 980.493.150 \text{ đồng}$

+ Hủy hợp đồng không và giả mạo chữ ký của ông C để chuyển nhượng phần góp vốn sau thời điểm ông C đã mất vì vô hiệu;

+ Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH S do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014;

+ Hủy toàn bộ hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/11/2016 của Công ty TNHH S.

Ngày 08/12/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc Q2 là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – ông Trang Cẩm L có bản tự khai giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

- Ông Trần Văn Q3 là người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Khánh L3 và bà Trương Thị A trình bày: Bà Khánh L3 xác nhận chữ ký trong Hợp đồng vay tiền đề ngày 16/12/2013 là chữ ký của ông Huỳnh Tấn C. Tuy nhiên, gia

đình không biết việc ông C vay tiền của ông L và không biết khoản tiền vay được sử dụng vào mục đích gì. Đối với Công ty TNHH S thì thực tế ông C chưa thực hiện góp vốn vào công ty, Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thì được lập trước thời gian ông C chết nên việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty S là không đúng.

- Bà Lưu Khánh L3 và bà Trương Thị A có Bản tự khai cùng đề ngày 19/12/2014 có chung nội dung trình bày: Căn nhà 6 đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Huỳnh Tấn C đứng tên. Ông C chết ngày 05/7/2014 theo Giấy chứng tử số 48 Quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A cấp ngày 07/7/2014. Gia đình bà không biết việc ông C có vay khoản tiền 2.300.000.000 đồng từ ông Trang Cẩm L, số tiền nêu trên cũng không dùng để chi tiêu trong gia đình.

- Bà Lưu Khánh L3 là người đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế của ông C có ý kiến trình bày tại Biên bản hòa giải không thành ngày 04/5/2016: Gia đình bà không biết việc vay mượn tiền giữa ông Huỳnh Tấn C và ông Trang Cẩm L, bà cũng không biết ông L là ai. Trước đây bà có yêu cầu giám định chữ ký trong hợp đồng vay tiền ngày 16/12/2013 nhưng theo Kết luận giám định số 2441/C54B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định đúng là chữ ký chữ viết của ông C trong hợp đồng vay nên gia đình bà thừa nhận số nợ với ông L. Tuy nhiên, ông C mất đột ngột, gia đình gặp nhiều khó khăn, ông C có tài sản nhưng cũng có nhiều khoản nợ mà gia đình bà không biết, hiện nay gia đình không có phương án trả nợ cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H có Văn bản số 2477/ĐKKD-TNXL ngày 10/4/2020 trình bày:

Theo thông tin hiện có tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì: Công ty TNHH S (tên cũ: Công ty TNHH S), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0302938716, đăng ký lần đầu ngày 07/05/2003. Đến nay, Công ty TNHH S đã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 8 lần, trong đó:

Tại hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/08/2014: Công ty Đ thay đổi người đại diện theo pháp luật, đăng ký thay đổi thành viên, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế. Hồ sơ, trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 42 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (đính kèm bút lục từ trang 01 đến trang 16). Lần thay đổi thứ 7 ngày 27/08/2014 của Công ty TNHH S được cấp theo quy định tại Điều 25, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Ý kiến về yêu cầu “ Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH H1 thành viên trở lên của Công ty TNHH S (tên cũ: Công ty TNHH S) do

Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014” của ông Trương Cẩm L

Tại Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2016/NĐ-CP) sửa đổi Điều 62 như sau:

“Điều 62. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

1 Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có trách nhiệm cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh một trong các văn bản cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo bao gồm:

a) Bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản khẳng định văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo; hoặc

b) Bản sao hợp lệ văn bản kết luận của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo,

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều này. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Căn cứ kết luận của các cơ quan nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định này nếu nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo”.

Tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2016/NĐ-CP, trong đó có quy định sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 63 như sau: “Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.”

Đến thời điểm hiện nay, Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được đề nghị của tổ chức, cá nhân kèm theo văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ

sơ đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Công ty TNHH S (tên cũ: Công ty TNHH S) là giả mạo theo quy định tại Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP, nên không có cơ sở để hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Công ty TNHH S (tên cũ: Công ty TNHH S) theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐCP.

Căn cứ quy định tại Điều 199, Điều 201, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Phòng Đăng ký kinh doanh có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu kèm theo gửi Tòa án nhân dân thành phố như trên, đồng thời đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại cơ quan Tòa án của vụ kiện theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 79/TB-TLVA ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Tòa án nhân dân thành phố có ban hành bản án tuyên “Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0302938716 đăng ký thay đổi lần thứ ngày 27 tháng 08 năm 2014 của Công ty TNHH S theo yêu cầu của nguyên đơn thì trong bản án phải có thêm nội dung: Khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần nào của Công ty TNHH S để Phòng Đăng ký kinh doanh có cơ sở thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP quy định giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại.

+ Công ty TNHH S có người đại diện theo pháp luật là bà Lưu Khánh L3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà L3 không đến Tòa án nên không ghi nhận ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc Q2 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là ông Huỳnh Phi L1 thống nhất trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 16/12/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 4.069.109.589 đồng, cụ thể, từ ngày 16/12/2013 đến trước ngày 01/01/2017 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 9%/năm: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/365 \times 1.095 \text{ ngày} = 621.000.000 \text{ đồng}$; Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/01/2021 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 1.822 \text{ ngày} = 1.148.109.589 \text{ đồng}$. Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật, tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán xong; Hủy hợp đồng không và giả mạo chữ ký của ông C để chuyển nhượng phần góp vốn sau thời điểm ông C đã mất vì vô hiệu; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH S do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014; Hủy toàn bộ hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai

thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/11/2016 của Công ty TNHH S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc người thừa kế của ông Huỳnh Tấn C phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trên số di sản của ông C là 4.000.000.000 đồng, trong đó, bà Trương Thị A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ là 3.000.000.000 đồng và ông Lưu Gia H có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ là 1.000.000.000 đồng. Không chấp nhận số tiền yêu cầu vượt khoản tiền 4.000.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH S do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014 và bộ hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/11/2016 của Công ty TNHH S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trang Cẩm L khởi kiện đòi nợ vay đối với những người thừa kế của ông Huỳnh Tấn C và có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật thay đổi lần 7, lần 8) của Công ty TNHH S do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về dân sự yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xét ông Trần Văn Q3 là người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Khánh L3, bà Trương Thị A; bà Lưu Khánh L3 là người đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế của ông C là bà M1, bà A, bà Tuyết L4, ông H và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H; luật sư Huỳnh Phi

L1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét ngày 08/7/2016, bà Lưu Khánh L3, bà Lưu Tuyết L2, bà Trương Thị A, ông Lưu Gia H đã ủy quyền cho ông Trần Quốc D đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án đối với vụ án tranh chấp theo các Hợp đồng ủy quyền số 000574 và 000575 tại Văn phòng C5. Các đương sự không có văn bản hủy bỏ ủy quyền đối với ông D, tuy nhiên, tại Văn bản số 1658/VKS-P15 ngày 21/12/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung xác nhận ông Trần Quốc D, sinh ngày 04/10/1987 được tuyển dụng vào ngành Kiểm sát kể từ ngày 01/5/2017, hiện đang công tác tại Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo khoản 3 Điều 87 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông D hiện nay là công chức công tác trong ngành Kiểm sát, việc đại diện trong vụ án với tư cách tranh chấp dân sự của các cá nhân, không phải đại diện cho cơ quan, tổ chức ông công tác nên thuộc trường hợp không được làm người đại diện.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trang Cẩm L đã chết theo trích lục khai tử số 173/TLKT ngày 19/11/2021 nên những người thừa kế của ông L kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bao gồm vợ là bà Trương Phùng N và các con là bà Trang Thúy Q1, bà Trang Thúy Q, ông Trang Nhac G.

2. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu của đương sự.

2.1.1. Về nợ gốc và lãi suất:

- Về khoản nợ gốc 2.300.000.000 đồng: Ngày 16/12/2013, ông Trang Cẩm L và ông Huỳnh Tấn C đã ký Hợp đồng vay tiền có nội dung ông L cho ông C vay số tiền 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 35.000.000 đồng/tháng, trả vào ngày 9 dương lịch hàng tháng. Theo Kết luận giám định số 2441/C54B ngày 27/8/2015 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận chữ ký và chữ viết mang tên “Huỳnh Tấn C” tại Hợp đồng vay tiền ngày 16/12/2013 với các tài liệu mẫu so sánh mang tên “Huỳnh Tấn C” là do cùng một người ký ra. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Khánh L3 và ông Trần Văn Q3 là người đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế của ông C cũng đã xác nhận chữ ký của ông Huỳnh Tấn C trong Hợp đồng vay tiền nêu trên nên có cơ sở để Hội đồng xác định ông Huỳnh Tấn C thực tế có vay khoản tiền 2.300.000.000 của ông Trang Cẩm L. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đòi khoản nợ gốc nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

- Về lãi suất: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 16/12/2013 các bên thỏa thuận số tiền lãi 35.000.000 đồng/tháng đối với khoản tiền 2.300.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất 18,3%/năm là vượt quá mức 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng hàng nước công bố tại thời điểm vay là 13,5%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn mức lãi suất 9%/năm từ thời điểm vay

đến trước ngày 01/01/2017 và 10%/năm từ sau ngày 01/01/2017 đến khi trả nợ xong là phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ để Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, chấp nhận mức lãi suất nêu trên.

- Về yêu cầu hủy hợp đồng không và giả mạo chữ ký của ông C để chuyển nhượng phần góp vốn sau thời điểm ông C đã mất vì vô hiệu; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH S do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014; Hủy toàn bộ hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/11/2016 của Công ty TNHH S:

Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 48 quyền số 01/2014 của Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A thể hiện ông Huỳnh Tấn C, sinh ngày 06/11/1964 chết ngày 05/7/2014. Hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cung cấp theo Văn bản số 122/PĐKKD-VTLT ngày 04/01/2017 thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Huỳnh Tấn C với ông Lưu Gia H; Biên bản họp Hội đồng thành viên cùng ngày 12/8/2014 có nội dung chuyển nhượng vốn góp 1.000.000.000 đồng cho ông Lưu Gia H và thay đổi đề bà Trương Thị A là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh có chữ ký của người mang tên “Huỳnh Tấn C”. Như vậy, việc phát hành các văn bản nêu trên là thực hiện sau thời điểm ông Huỳnh Tấn C đã chết nên có căn cứ để Hội đồng xác định các văn bản nêu trên thực chất không phải là chữ ký của ông Huỳnh Tấn C, không đúng chủ thể ký văn bản nên vô hiệu theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2017. Tuy nhiên, do ông Huỳnh Tấn C đã chết, việc chuyển nhượng phần vốn góp 1.000.000.000 đồng giữa ông Huỳnh Tấn C với ông Lưu Gia H phù hợp với ý chí của những người thừa kế của ông C, những người thừa kế của ông C cũng đã cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H nên khoản vốn góp này được xem là di sản thừa kế của ông C do ông H nhận, ông H phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với phần di sản được nhận nêu trên. Do đó, không cần thiết phải hủy Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Huỳnh Tấn C với ông Lưu Gia H và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của Công ty TNHH S được thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014; lần thứ 8 ngày 11/11/2016.

- Về nghĩa vụ tài sản do người chết để lại:

Căn cứ nhận định nêu trên, ông H là người thừa kế di sản của ông C với phần vốn góp 1.000.000.000 đồng trong Công ty TNHH S nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông Lưu Gia H có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với khoản

nợ của ông C với ông Trang Cẩm L theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/12/2013 nhưng không vượt quá giá trị tài sản ông được nhận là 1.000.000.000 đồng theo phần vốn góp 1.000.000.000 đồng trong Công ty TNHH S.

Ngoài ra, theo hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi chết ông Huỳnh Tấn C có để lại di sản thừa kế là nhà và đất tại địa chỉ số F T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đã được các đồng thừa kế là bà M1, bà Khánh L3, bà Tuyết L4, ông H thỏa thuận tặng toàn bộ di sản thừa kế của ông C cho bà Trương Thị A theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 26/8/2014 được ký kết tại Văn phòng C6, tài sản cũng đã được bà Trương Thị A kê khai đứng tên và bán lại cho ông Lữ Đức C1 và bà La Q4 với số tiền là 3.000.000.000 đồng. Di sản đã được các đồng thừa kế thỏa thuận chia và tặng cho toàn bộ di sản cho bà Trương Thị A nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà A phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với khoản nợ của ông C với ông Trang Cẩm L theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/12/2013 nhưng không vượt quá giá trị tài sản bà được nhận là 3.000.000.000 đồng.

Nghĩa vụ thanh toán của bà A, ông H là một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông C trước khi chết chỉ để lại 02 di sản là phần vốn góp 1.000.000.000 đồng trong Công ty TNHH S (do ông H nhận) và nhà và đất tại địa chỉ số F T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã được bán 3.000.000.000 đồng (do bà A nhận), ngoài ra không còn tài sản nào khác nên chỉ có căn cứ chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn buộc người thừa kế của ông C phải chịu trách nhiệm trên số di sản để lại là không quá 4.000.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C là ông H, bà A phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 4.000.000.000 đồng, không chấp nhận khoản tiền lãi là 69.109.589 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành bản án xong, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thi hành án thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

2.2. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (bà A, ông H) phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Số tiền án phí bà A, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $72.000.000 + (2\% \times 2.000.000.000) = 112.000.000$ (một trăm mười hai triệu) đồng, trong đó

bà A chịu $\frac{3}{4}$ số tiền án phí là 84.000.000 (tám mươi tư triệu) đồng, ông H phải chịu $\frac{1}{4}$ số tiền án phí là 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là $69.109.589 \times 5\% = 3.455.479$ (ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi chín) đồng và án phí không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đối với yêu cầu hủy cấp nhật thay đổi lần 7, lần 8 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của Công ty TNHH S. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã đóng, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 36.969.521 (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm hai mươi một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2012/08262 ngày 05/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Về chi phí tố tụng: Bà Lưu Khánh L3 đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng thực hiện giám định chữ ký nên đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 87, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 218 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 468, khoản 3 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 25, khoản 4 Điều 26 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trang Cẩm L (đã chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Trương Phùng N, bà Trang Thúy Q1, bà Trang Thúy Q và ông Trang Nhạc G.

1.1. Buộc những người thừa kế của ông Huỳnh Tấn C là bà Trương Thị A, ông Lưu Gia H phải thực hiện nghĩa vụ di sản do người chết để lại đối với khoản nợ 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L là bà Trương Phùng N, bà Trang Thúy Q1, bà Trang Thúy Q và ông Trang Nhạc G trong đó, nợ gốc là 2.300.000.000 (hai tỷ ba trăm triệu) đồng, nợ lãi là 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng, thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Di sản các đồng thừa kế nêu trên phải thực hiện nghĩa vụ như sau:

1.2.1. Ông Lưu Gia H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản không vượt quá tài sản vốn góp của ông C mà ông H được nhận trong Công ty TNHH S là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

1.2.2. Bà Trương Thị A có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản không vượt quá 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành bản án xong, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thi hành án thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vượt quá di sản của ông C để lại là 69.109.589 đồng. Không chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Huỳnh Tấn C với ông Lưu Gia H và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của Công ty TNHH S được thay đổi lần thứ 7 ngày 27/8/2014; lần thứ 8 ngày 11/11/2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị A chịu án phí là 84.000.000 (tám mươi tư triệu) đồng, ông H phải chịu án phí là 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí 3.755.479 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã đóng, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 36.969.521 (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm hai mươi một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2012/08262 ngày 05/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Phương

